

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GREEN LINK BẾN TRE
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ GREEN LINK BẾN TRE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREEN LINK INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY BEN TRE

Tên công ty viết tắt: GREEN LINK BENTRE JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 1301123529

3. Ngày thành lập: 18/05/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 666Đ, Đường An Dương Vương, Ấp 4, Xã Nhơn Thạnh, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam

Điện thoại: 0848586555

Fax:

Email: toanneuwe@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý môi giới hàng hóa (trừ hoạt động đấu giá)	4610
7.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ những loài động vật Nhà nước cấm)	4620
8.	Bán buôn thực phẩm (Trừ những loài thực phẩm bị Nhà nước cấm)	4632
9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
11.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng)	4662
13.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

14.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phế liệu công nghiệp và dân dụng (nhôm, đồng, sắt, nhựa, giấy); Bán buôn các sản phẩm hàng hóa từ nguồn gốc phế thải, tái chế phế thải; Bán buôn hóa chất sử dụng trong ngành y tế (trừ những loại nhà nước cấm) Bán buôn hóa chất công nghiệp, bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất khác dùng trong nông nghiệp	4669
15.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16.	Trồng cây hàng năm khác	0119
17.	Trồng cây ăn quả	0121
18.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
22.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
23.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
24.	Dịch vụ đóng gói	8292
25.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ dịch vụ lấy lại tài sản, hoạt động đấu giá độc lập, máy thu tiền xu đỗ xe)	8299
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
27.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
28.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Hoạt động khi được cấp phép đủ điều kiện)	0810
29.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
30.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
31.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: - Sản xuất phân Carbon Hữu cơ - Sản xuất phân Carbon khoáng hữu cơ - Sản xuất phân Carbon Organic	2012
32.	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất bao bì nhựa, nhựa polypropylene, nhựa polyetylen	2220
33.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
34.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
35.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
36.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
37.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022

38.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bến bãi đỗ xe, trừ kinh doanh bất động sản)	5210
39.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
40.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
41.	Bốc xếp hàng hóa	5224
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
43.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
44.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
45.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
46.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
47.	Sản xuất điện Chi tiết: Sản xuất điện năng lượng mặt trời mái nhà	3511
48.	Truyền tải và phân phối điện (Trừ truyền tải và điều độ hệ thống điện quốc gia)	3512
49.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
50.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
51.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
52.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
53.	Thu gom rác thải độc hại	3812
54.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821(Chính)
55.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
56.	Tái chế phế liệu	3830
57.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
58.	Xây dựng nhà để ở	4101
59.	Xây dựng nhà không để ở	4102
60.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
61.	Xây dựng công trình điện	4221
62.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
63.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
64.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
65.	Xây dựng công trình thủy	4291
66.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
67.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
68.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
69.	Phá dỡ	4311
70.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
71.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
72.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

73.	Ghi chú: Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam
-----	--	--

6. **Vốn điều lệ:** 120.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:**

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG	15B/67 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.200.000	12.000.000.000	10,000	036077003278	
			Tổng số	1.200.000	12.000.000.000	10,000		
2	NGUYỄN CẢNH TOÀN	Số 288/12 Hòa Hưng, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	6.840.000	68.400.000.000	57,000	035079001461	
			Tổng số	6.840.000	68.400.000.000	57,000		
3	NGUYỄN NGỌC HÀ	12 Đường 61, khu phố 3, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	360.000	3.600.000.000	3,000	023656503	
			Tổng số	360.000	3.600.000.000	3,000		
4	PHAN NGUYỄN PHI LONG	324/20 Phạm Văn Bạch, Phường 15, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.600.000	36.000.000.000	30,000	079085002827	
			Tổng số	3.600.000	36.000.000.000	30,000		

9. **Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HỮU NGHIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 28/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084027313

Ngày cấp: 27/04/2021

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *P303 B3b Nam Trung Yên, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 666Đ, Đường An Dương Vương, Ấp 4, Xã Nhơn Thạnh, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bến Tre